**Môn học: Tiếng Việt Lớp 1**

**Tên bài học: BÀI 101: ôi ơi**

**Thời gian thực hiện: Ngày 20 tháng 1 năm 2025**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết các vần **ôi, ơi;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ôi, ơi**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ôi**, vần **ơi**.

***- Khuyến khích mọi học sinh phải tập bơi, biết bơi, để giúp các em phòng tránh tai nạn đuối nước.***

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc **Ong và bướm**.

***- Kể được một số nghề truyền thống của địa phương***

- Viết đúng các vần **ôi, ơi**, các tiếng (trái) **ổi, bơi lội** (trên bảng con).

- Học thuộc lòng (HTL) bài thơ.

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1.Giáo viên:**

-Thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu

-Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập, mẫu vật, vật thật

-Bảng cài, bộ thẻ

**2.Học sinh:**

**-**Sách giáo khoa, sách bài tập Tiếng Việt

-Bút chì, đồ dùng học tập

-Bảng con, phấn

-Bảng cài, bộ

-Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động giáo viên** | **Hoạt động học sinh** |
| **5P**  **15P**  **15P**  **30P**  **5P** | **1.** **Hoạt động mở đầu:**  **-**Cả lớp hát  **2.Hoạt động Hình thành kiến thức mới:**  DẠY BÀI MỚI  **Giới thiệu bài**: vần **ôi**, vần **ơi**.  **Hoạt động 1: *Dạy vần ôi***  - GV viết chữ **ô, i**./ HS (cá nhân, cả lớp): **ô - i - ôi.**  - HS nói: trái ổi. / Tiếng **ổ**i có vần **ôi**. / Phân tích vần ôi. / Đánh vần, đọc trơn: ô - i- ôi - hỏi - ổi / trái ổi.  **Hoạt động 2:Dạy vần ơi** (như vần **ôi**): Đánh vần, đọc trơn: ơ -i- ơi / bờ - ơi - bơi / bơi lội.  \* Củng cố: HS nói các vần, tiếng vừa học. Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá: **ôi, trái ổi; ơi, bơi lội.**  **\* Lồng ghép giáo dục Quốc Phòng – An Ninh**  **- Khuyến khích học sinh tập bơi và cho học sinh xem những tai nạn đuối nước mang lại.**  **3.HĐVận dụng thực hành:**  **Hoạt động 1:*Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Ghép chữ với hình cho đúng)  - HS đọc từng từ ngữ; làm bài trong VBT, nối hình với từng từ ngữ tương ứng.  - HS báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng hình, cả lớp: 1) rối nước 2) đĩa xôi...  ***\* Lồng ghép giáo dục địa phương:***  ***- Hs nêu được một số nghề phổ biến của địa phương: Tráng bánh,.....***  **Hoạt động 2:*Tập viết*** (bảng con - BT 4)  a) HS đọc các vần, tiếng vừa học được viết trên bảng lớp.  b) Viết vần: **ôi, ơi**  - 1 HS đọc vần **ôi**, nói cách viết vần **ôi**. GV vừa viết vần ôi vừa hướng dẫn, nhắc HS chú ý dấu mũ trên **ô**, nét nối giữa **ô** và **i**./ Làm tương tự với vần **ơi.**  - Cả lớp viết: **ôi, ơi** (2 lần).  c) Viết tiếng: (trái) **ổi**, **bơi lội** (như mục b): -GV vừa viết mẫu tiếng **ổi** vừa hướng dẫn. Chú ý đặt dấu hỏi trên **ô**, / Làm tương tự với **bơi**.  - HS viết: (trái) **ổi**, **bơi lội** (2 lần).  **TIẾT 2**  **Hoạt động 3:*Tập đọc*** (BT 3)  a) GV chỉ hình minh hoạ bài thơ Ong và bướm; giới thiệu hình ảnh vườn hoa rực rỡ, ong đang chăm chỉ bay đi làm mật, bướm bay tới rủ ong cùng đi chơi.  b) GV đọc mẫu, giọng vui, nhẹ nhàng. Giải nghĩa từ: lượn (di chuyển bằng cách chao nghiêng thân hoặc uốn mình theo đường vòng); chơi rong (đi chơi lang thang, không có mục đích).  c) Luyện đọc từ ngữ: bướm trắng, lượn vườn hồng, bay vội, rủ đi chơi, trả lời, việc chưa xong, chơi rong, không thích.  d) Luyện đọc câu  - GV: Bài thơ có mấy dòng? (12 dòng).  - GV chỉ 2 dòng thơ một cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp).  - Đọc tiếp nối 2 dòng thơ một cá nhân, từng cặp).  e) Thi đọc đoạn, bài (mỗi đoạn 6 dòng); thi đọc cả bài (quy trình đã hướng dẫn).  g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC. / 1 HS đọc 2 ý (a, b).  - HS làm bài trong VBT hoặc viết ý mình chọn vào thẻ. / HS báo cáo. GV chốt lại đáp án: Ý a.  - (Nhắc lại kết quả) 1 HS hỏi - cả lớp đáp:  + 1 HS: Vì sao ong không đi chơi cùng bướm?  + Cả lớp: Vì ong nghe lời mẹ, làm xong việc mới đi chơi.  h) học thuộc lòng bài thơ  - GV hướng dẫn HS học thuộc bài thơ theo cách xoá dần từng chữ, chỉ giữ lại những chữ đầu dòng. Sau đó xoá hết.  - HS thi đọc thuộc 6 dòng thơ đầu / 6 dòng thơ cuối / cả bài thơ.  **4.HĐ Củng cố và nối tiếp:**  - HS tìm tiếng ngoài bài có vần **ôi** (gối, nối, tối,...); có vần **ơi** (gợi ý, sợi dây ( với,...) hoặc đặt câu với tiếng có vần **ôi**, vần **ơi.**  - GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe: xem trước bài 102 (*ui, ưi*). | **-**HS hát  -HS lắng nghe  -HS thực hiện  -HS đọc  ***- HS xem và thực hiện.***  -HS đọc  -HS thực hiện  - HS nêu  -HS đọc  -HS theo dõi, lắng nghe  -HS thực hiện  -HS theo dõi lắng nghe  -HS thực hiện  -HS theo dõi lắng nghe  - HS lắng nghe  -HS đọc  **-**HS trả lời  -HS đọc  -HS thi đọc  -HS lắng nghe, thực hiện  -HS thực hiện  -HS trả lời  -HS học thuộc lòng bài thơ  **-**HS thực hiện  -HS lắng nghe |

**4.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................